

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 09/02/2023

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Xuân Trường

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 16/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10/10/2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ- ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXPT – HNGĐ ngày 02/12/2022 và các quyết định hoãn phiên tòa, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kim D, sinh năm 1991 (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1986 (Có mặt).

Đều ĐKKHKT: Thôn Văn X, xã Ngô Q, huyện M, tỉnh Hải Dương.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ- ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

*** Nguyên đơn chị Dương Thị Kim D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngô Q, huyện M, tỉnh Hải Dương ngày 16/9/2016. Vợ chồng chị chung sống cùng với bố mẹ chồng tại thôn Văn X, xã Ngô Q, huyện M, tỉnh Hải Dương. Sau khi chị sinh cháu Nguyễn

Đức A được 06 tháng thì anh T đi xuất khẩu lao động. Trong thời gian anh T ở nước ngoài, chị phát hiện anh T không tu chí làm ăn mà chỉ mải chơi, không có trách nhiệm với gia đình, nên mỗi khi gọi điện vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Chị đã nhiều lần khuyên giải, góp ý với anh T để anh T thay đổi nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Chị vừa ở nhà chăm con nhỏ, vừa đi làm ở xưởng may gần nhà. Anh T ở nước ngoài có gửi tiền về hàng tháng cho chị nuôi con, đến khi vợ chồng mâu thuẫn thì chị bảo anh T gửi tiền về cho bố để anh T giữ, chị vẫn đi làm công ty. Do chị bị bệnh đau dạ dày, sức khỏe không tốt nên chị cũng xin phép gia đình chồng cho chị về nhà mẹ đẻ ở một thời gian, chị vẫn đi lại giữa hai gia đình. Sau đó, thời gian nói chuyện giữa vợ chồng ngày càng ít đi, mỗi lần nói chuyện là cãi nhau, tình cảm thêm rạn nứt. Khoảng cuối năm 2020 anh T về Việt Nam hẳn, lúc đó chị đang ở nhà ngoại, anh T có sang nhà tìm chị về nhưng chị thấy thái độ của anh T không chân thành, mà vợ chồng trước đó cũng chưa hàn gắn nên chị không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Đức A - sinh ngày 23/02/2017, có lúc con ở nhà ông bà nội, có lúc con ở nhà ông bà ngoại. Ly hôn chị xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định thời gian và điều kiện kết hôn như chị D trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống được hơn 01 năm thì anh đi lao động ở Nhật Bản, thời hạn 03 năm. Trong thời gian anh đi xuất khẩu lao động, do khoảng cách xa nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Bên cạnh đó do dịch bệnh Covid-19 nên công việc của anh gặp nhiều khó khăn, chị D không thông cảm và chia sẻ với anh những khó khăn nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Về việc trông con, anh thấy chị D không quán quýt, không chăm sóc tốt cho con. Khi cháu Đức A còn nhỏ, chị D cho con bú một thời gian ngắn và cho cháu dùng sữa ngoài. Thỉnh thoảng chị D về nhà ngoại ngủ, để con ngủ với ông bà nội. Trong thời gian anh đi nước ngoài ba năm, tháng nào anh cũng gửi tiền về ít nhất là 3 triệu/tháng là tiền để cho chị D và bố mẹ anh nuôi riêng cháu Đức A. Trong ba năm anh không ở nhà, anh thấy chị D không có trách nhiệm với gia đình và không chăm sóc cháu Đức A với điều kiện tốt nhất. Đến khoảng cuối năm 2020, anh hết hạn hợp đồng trở về ở cùng nhà với bố mẹ tại thôn Văn X, xã Ngô Q, huyện M, tỉnh Hải Dương, khi đó chị D đã về nhà ngoại ở và đi làm công ty, còn cháu Đức A thì vẫn ở nhà ông bà nội và có lúc sang ở nhà ông bà ngoại. Anh và gia đình có đến tìm chị D về nhưng chị D không về, sau đó anh không sang tìm chị D nữa.

Hiện nay anh vẫn ở cùng nhà với bố mẹ đẻ tại thôn Văn X, xã Ngô Q, huyện M, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu anh đi làm công ty ở gần nhà sau đó thì anh làm việc tại Công ty thiết bị số Thăng Long ở Hưng Yên. Do công việc của anh chủ yếu làm qua mạng Internet nên anh thường xuyên làm việc tại nhà, khi nào cần thiết thì anh mới đến công ty. Giữa anh và chị D không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung như chị D trình bày là đúng. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ- ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đã căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Kim D và anh Nguyễn Đức T.

2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Đức A - sinh ngày 23/02/2017 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/7/2022 Chị D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa chị D xác định chị chỉ kháng cáo về quan hệ con chung. Về quan hệ hôn nhân và các nội dung khác chị đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm và không kháng cáo. Chị giữ nguyên quan điểm chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quan điểm không chấp nhận kháng cáo của chị D, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã trầm trọng. Chị D có đơn ly hôn anh T cũng đồng ý. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử cho chị D được ly hôn anh T là có căn cứ. Về con chung: Xét thấy nguyện vọng của anh T và chị D đề nghị được nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên anh T có nhiều thời gian chăm sóc con hơn. Do vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Đức Anh cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chị D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Dương Thị Kim D kháng cáo trong thời gian luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

Tại phiên tòa chị D xác định chị chỉ kháng cáo xin được nuôi con. Về quan hệ hôn nhân và các nội dung khác chị đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm và không kháng cáo, do vậy Hội đồng xét xử chỉ xem xét về phần quan hệ con chung. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của chị Dương Thị Kim D, Hội đồng xét xử thấy: Chị D kháng cáo xin được nuôi con. Theo chị D hiện tại chị đã chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển dịch vụ giáo dục DA, có địa chỉ tại khu dân cư mới, Mỹ T, Bình M, Bình Giang, cách nhà khoảng 2 km, mức lương là 10.000.000 đ/tháng. Với công việc mới chị có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con. Đồng thời chị D xuất trình các tài liệu có xác nhận của các cô giáo nơi cháu Đức A học tập, về việc chị D là người thường xuyên đóng tiền học cho con, xác nhận của Hội phụ nữ về việc chị D có đủ điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, chị D và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên thực tế từ khi chị D về nhà bố mẹ đẻ ở thì cháu Đức A chủ yếu ở với bố và ông bà nội. Ông bà ngoại cũng thường xuyên đón cháu về chơi. Chị D do tính chất công việc nên ít có thời gian chăm sóc con, do vậy có thể nói cháu chủ yếu ở với bố và ông bà nội và được chăm sóc chu đáo. Tại cấp phúc thẩm chị D xuất trình đơn đề nghị được nuôi con vì hiện tại cháu Đức A đang ở với chị. Tuy nhiên tại phiên tòa

chị D và anh T đều xác định từ sau khi xét xử sơ thẩm anh chị thỏa thuận mỗi bên sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đức A 1 tuần chứ không phải cháu ở hẳn với mẹ như chị D trình bày. Do vậy để ổn định cuộc sống cho cháu nên tiếp tục giao cháu Đức A cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Từ phân tích trên cho thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Dương Thị Kim D.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Chị D kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Dương Thị Kim D. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ- ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hải Dương về phần con chung như sau:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Đức A - sinh ngày 23/02/2017 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. *Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm:* Chị Dương Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm chị D đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004224 ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Chị D đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện M;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Các Đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền